

ĐỀ THI NỘI TIẾT YHCT 2016 – 2017

1. Triệu chứng tim mạch của cường giáp, **CHỌN CÂU SAI:**

A. Nhịp tim nhanh khi gắng sức
B. Suy tim toàn bộ ưu thế tim trái
C. Hiệu số huyết áp kẹp
D. Âm thổi vùng trước tim
E. Mờm tim tăng động

2. Tác dụng phụ của điều trị phẫu thuật bệnh Basedow, **CHỌN CÂU SAI:**

A. Suy giáp
B. Chảy máu
C. Suy cận giáp
D. Tổn thương thần kinh quặt ngược
E. Viêm giáp mạn

3. Trong số các triệu chứng sau, triệu chứng nào thuộc về hội chứng đề kháng insulin:

A. Uống nhiều, tiểu nhiều
B. Sụt cân nhiều
C. Mập phì trung tâm
D. Hạ huyết áp tư thế
E. Tiếp cận gia đình có bệnh đái tháo đường

4. Chỉ định điều trị nội khoa bệnh Basedow, **CHỌN CÂU SAI:**

A. Trẻ em
B. Thai kỳ
C. Bướu giáp to độ II
D. Điều trị ổn cường giáp trước điều trị iot phóng xạ
E. Bướu giáp to tái phát nhiều lần

5. Thuốc kháng giáp tổng hợp trong điều trị bệnh Basedow:

A. Khởi đầu liều thấp, tăng dần liều cho đến khi bình giáp
B. Khởi đầu liều cao, giảm dần liều khi đã bình giáp
C. Không thay đổi liều trong suốt quá trình điều trị
D. Nên phối hợp với levothyroxine để giảm nguy cơ suy giáp
E. Đạt hiệu quả hình giáp trong vòng 2 tuần

6. Nguyên nhân gây cường giáp nào sau đây hiếm gặp:

A. Bướu giáp đa nhân hóa độc
B. Basedow
C. Bướu giáp đơn nhân hóa độc
D. Cường giáp do thuốc
E. U tuyến yên tiết TSH

7. Nhóm thuốc điều trị đái tháo đường nào sau đây thật sự gây giảm cân:

A. Metformin
B. Sulfonylurea
C.Ức chế men alpha – glucosidase
D. Exenatide
E. Glinide

8. Bệnh nhân nam 45 tuổi cần tầm soát bệnh đái tháo đường:

A. Mỗi 6 tháng 1 lần
B. Mỗi năm 1 lần
C. Mỗi 2 năm 1 lần
D. Mỗi 3 năm 1 lần
E. Mỗi 4 năm 1 lần

9. Bệnh nhân nữ 47 tuổi không có triệu chứng lâm sàng của tình trạng tăng đường huyết. Bệnh nhân có tiền căn sinh con có cân nặng lúc sinh 4,2 kg. Bệnh nhân được tư vấn tầm soát đái tháo đường. Các xét nghiệm có kết quả như sau: đường huyết đói qua đêm 112 mg% và HbA1c là 6,2 %. Theo tiêu chí chẩn đoán đái tháo đường năm 2011 của Tổ chức Sức khỏe Thế giới, bệnh nhân này được chẩn đoán:

A. Đái tháo đường
B. Rối loạn dung nạp đường
C. Rối loạn đường huyết đói
D. Bình thường không bị đái tháo đường
E. Chưa kết luận được

10. Tỷ lệ phần trăm nào sau đây là cân bằng nhất trong chế độ ăn của bệnh nhân đái tháo đường chưa có biến chứng:

A. Glucid: Protid: Lipid = 50: 15: 35
B. Glucid: Protid: Lipid = 60: 15: 25
C. Glucid: Protid: Lipid = 50: 20: 30
D. Glucid: Protid: Lipid = 55: 25: 20
E. Glucid: Protid: Lipid = 65: 15: 20

11. Bệnh nhân đái tháo đường nên tham gia luyện tập thể lực như thế nào là thích hợp nhất:

- A. Nên tập các môn tăng cường sức mạnh cơ bắp tối thiểu 5 ngày trong tuần
B. Nên tập các môn có đối kháng trực tiếp 5 ngày trong tuần
C. Nên tập các môn tăng cường sự dẻo dai tối thiểu 5 ngày trong tuần
D. Nên tập các môn thể thao cảm giác mạnh tối thiểu 5 ngày trong tuần
E. Nên tập các môn thể thao dưới nước tối thiểu 5 ngày trong tuần
12. Nhóm thuốc nào sau đây có tác dụng phụ tăng nguy cơ gãy xương nhất là ở phụ nữ sau mãn kinh:
A. TZD
B. Glinide
C. Sulfonylurea
D. Ức chế men alpha – glucosidase
E. Metformin
13. Theo Tổ chức Sức khỏe Thế giới 2011, giá trị HbA1c nào sau đây cho phép chẩn đoán đái tháo đường:
A. $\geq 6,0\%$
B. $\geq 6,5\%$
C. $\geq 7,0\%$
D. $\geq 7,5\%$
E. $\geq 8,0\%$
14. Triệu chứng nào sau đây thuộc về biến chứng thần kinh tự chủ do đái tháo đường:
A. Hạ huyết áp tư thế
B. Mất cảm giác hai chi dưới đối xứng
C. Cảm giác đau châm chích tăng lên về đêm
D. Tê hai bàn tay
E. Đau theo khoanh da
15. Xét nghiệm tìm vi phạm niệu nên được thực hiện trên:
A. Bệnh nhân đái tháo đường type 2 có tăng huyết áp
B. Bệnh nhân đái tháo đường type 2 có phù
C. Bệnh nhân đái tháo đường type 2 có creatinine máu tăng
D. Bệnh nhân đái tháo đường type 2 vào lúc chẩn đoán
E. Bệnh nhân đái tháo đường type 2 có triệu chứng thiếu niệu
16. Xét nghiệm nào sau đây gợi ý tiểu đạm có thể không phải là biến chứng của bệnh đái tháo đường:

- A. Có vi trùng di động trong nước tiểu
B. Có hồng cầu trong nước tiểu
C. Có nitrit (+)
D. Có đường niệu (+)
E. Có urobilinogen (+)
17. Bệnh động mạch ngoại biên chi dưới trên bệnh nhân đái tháo đường:
A. Hay gặp ở bệnh nhân hút thuốc lá nhiều
B. Kiểm soát tốt đường huyết là ưu tiên hàng đầu
C. Hay gặp ở bệnh nhân nữ
D. Cần tầm soát ngay trên bệnh nhân đái tháo đường type 1 vào thời điểm chẩn đoán
E. Được chẩn đoán xác định bằng ssieeu âm Doppler mạch máu hai chi dưới
18. Bệnh nhân nam 67 tuổi, có tiền căn đái tháo đường 8 năm. Sáng nay ngủ thức dậy, bệnh nhân thấy méo miệng nhẹ nên đến khám. Bác sỹ phát hiện bệnh nhân bị liệt dây VII bên trái, Charles Bell (+), không yếu liệt chi, không rối loạn tri giác. Các cơ quan khác không phát hiện bất thường. Đường huyết sang đói 225 mg%. Lời khuyên thích hợp nhất của bác sỹ là:
A. Có thể điều trị ngoại trú, các triệu chứng sẽ hồi phục sau 6 – 8 tuần
B. Nên nhập viện cấp cứu vì có thể là dấu hiệu nhồi máu não
C. Nên làm các xét nghiệm hình ảnh học để chẩn đoán loại trừ nhồi máu não
D. Có thể điều trị ngoại trú nhưng tổn thương sẽ không hồi phục được
E. Có thể điều trị ngoại trú, các triệu chứng sẽ hồi phục sau 6 – 8 tháng
19. Bệnh đái tháo đường type 1:
A. Có thể dùng nhóm thuốc ức chế men alpha – glucosidase là điều trị ưu tiên
B. Nguy cơ hay gặp khi tự ngưng thuốc là hôn mê tăng áp lực thẩm thấu
C. Chỉ xuất hiện triệu chứng điển hình khi tế bào beta tụy bị hủy trên 90%
D. Là chẩn đoán duy nhất khi đái tháo đường khởi phát trước 30 tuổi
E. Phải cho tầm soát vi phạm niệu ngay khi bệnh được chẩn đoán
20. Buồn nôn, nôn là các tác dụng không mong muốn hay gặp ở nhóm thuốc điều trị đái tháo đường nào sau đây:

- A. Metformin
B. Ức chế men alpha – glucosidase
C. Sulfonylurea
D. TZD
E. Exenatide
21. Xét nghiệm nào sau đây vừa có giá trị chẩn đoán, vừa có giá trị theo dõi tốt nhất tình trạng kiểm soát đường huyết của bệnh nhân:
A. Đường niệu
B. HbA1c
C. Đường huyết đói qua đêm
D. Đường huyết 2 giờ sau ăn
E. Đường huyết sau nghiệm pháp dung nạp glucose
22. Mức đường huyết thường gây ra triệu chứng lâm sàng hạ đường huyết của bệnh nhân là:
A. < 100 mg/dl
B. < 90 mg/dl
C. < 80 mg/dl
D. < 70 mg/dl
E. < 50 mg/dl
23. Tiêu chí HbA1c trong chẩn đoán tiền đái tháo đường là:
A. 6,5 – 6,9%
B. 6,2 – 6,5%
C. 5,7 – 6,4%
D. 5,8 – 6,2%
E. 6,1 – 6,4%
24. Bệnh nhân đang dùng thuốc insulin trị đái tháo đường type 1, bị đói vã mồ hôi, mệt, đo đường huyết 55 mg/dl, vẫn nói chuyện với người nhà được, xử trí nào thích hợp nhất:
A. Truyền đường glucose 30%
B. Tiêm bắp thêm glucagon 1mg
C. Cho uống nước đường (tương đương khoảng 15g)
D. Uống sữa đái tháo đường
E. Cho ăn cơm
25. 1 bệnh nhân nữ, bị HC thận hư nguyên phát, phải điều trị bằng prednisone liều cao từ 4 tháng nay. Biểu hiện nào sau đây của bệnh nhân là do prednisone gây ra:
A. HA thấp, kẹp 90/70 mmHg
B. Vết rạn da ở vùng bụng và đùi
C. Phù toàn thân, tràn dịch đa màng
D. Xạm da
E. Táo bón
26. Cortisol được tạo ra từ vùng nào của tuyến thượng thận:
A. Tủy thượng thận
B. Vùng gần tủy
C. Vùng cầu
D. Vùng bó
E. Vùng lưới
27. HC cushing là tập hợp những triệu chứng lâm sàng, có thể gây ra do sự gia tăng nồng độ trong máu kéo dài của chất nào sau đây:
A. Aldosteron
B. Cortisol
C. Testosteron
D. Spironolactone
E. Thyroxin
28. Nguyên nhân nào sau đây gây ra bệnh Cushing:
A. Adenoma thượng thận tiết cortisol
B. Carcinoma thượng thận tiết aldosterone
C. U thượng thận 2 bên
D. U tuyến yên tiết ACTH
E. U tuyến yên tiết CRH
29. 1 bệnh nhân dùng prednisone liều cao để điều trị bệnh tự miễn kéo dài nhiều tháng. Hậu quả nào sau đây **KHÔNG** do thuốc:
A. THA
B. RL lipid máu
C. RL dung nạp glucose
D. Tăng kali máu
E. Giảm mật độ xương
30. 1 bệnh nhân bị Lupus ban đỏ hệ thống, được điều trị bằng prednisone từ hơn 4 tuần và đang duy trì 30mg/ngày. Bệnh nhân cảm thấy khỏe nên tự ý ngưng thuốc. trong tình huống này, biến cố nguy hiểm có thể xảy ra với bệnh nhân:
A. THA
B. Tăng đường huyết
C. Suy thận cấp
D. Suy thượng thận cấp
E. XH tiêu hóa
31. 1 bệnh nhân nữ, 32 tuổi đi khám bệnh vì tăng cân và có vết rạn ở bụng. bệnh nhân không có tiền căn bệnh mạn tính và không dùng thuốc nào trong thời gian vài tháng gần đây. Bệnh nhân có vẻ mặt tròn, da mặt ửng

đỏ, mặt vùng thân mình, tụ mỡ ở mặt, cổ, sau gáy, bụng. HA: 140/100 mmHg. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất:

- A. Hội chứng Corn
- B. Bệnh Addison
- C. Hội chứng Cushing**
- D. Bệnh to đầu chi
- E. Hội chứng chuyển hóa

32. Nguyên nhân thường gặp nhất của HC Cushing (không do dùng corticoid) là:

- A. Adenoma thượng thận 1 bên
- B. Carcinoma thượng
- C. U ác tính tiết ACTH
- D. U tuyến yên tiết ACTH**
- E. U lạc chỗ (ngoài thượng thận) tiết cortisol

33. 1 bệnh nhân đến khám để được tư vấn về tình trạng RL dung nạp glucose. Có thể có bao nhiêu chẩn đoán cho bệnh nhân:

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4**
- E. 5

34. Bệnh nhân đái tháo đường type 2 nên tập luyện bao nhiêu ngày trong tuần có kháng lực:

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4
- E. 5

35. Trong bệnh sinh của đái tháo đường, có bao nhiêu cơ chế đã được đề nghị:

- A. 2
- B. 4
- C. 6
- D. 8**
- E. 10

36. Nên tầm soát bệnh đái tháo đường ở người trên 45 tuổi mỗi:

- A. 3 tháng
- B. 6 tháng
- C. 12 tháng
- D. 24 tháng
- E. 36 tháng

37. Theo khuyến cáo của Hiệp hội đái tháo đường Hoa Kỳ (ADA) năm 2009, HbA1c mục tiêu cho bệnh nhân đái tháo đường mới được chẩn đoán và không có nguy cơ cao tim mạch là:

- A. < 6,0%
- B. < 6,5%**
- C. < 7,0%
- D. < 7,5%
- E. Không có mục tiêu cụ thể

38. Theo Tổ chức Sức khỏe Thế giới 2011, giá trị HbA1c nào sau đây cho phép chẩn đoán đái tháo đường:

- A. $\geq 6,0\%$
- B. $\geq 6,5\%$**
- C. $\geq 7,0\%$
- D. $\geq 7,5\%$
- E. $\geq 8,0\%$

39. Thuốc đái tháo đường nào sau đây có nguồn gốc thảo dược:

- A. Glinide
- B. Glitazone
- C. Metformin
- D. Sulfonylurea
- E. Ức chế men alpha - glucosidase

40. Thuốc đái tháo đường nào sau đây có gốc hóa học tương tự 1 loại kháng sinh:

- A. Ức chế men alpha - glucosidase
- B. Ức chế thụ thể đồng vận chuyển Natri glucose số 2
- C. Sulfonylurea**
- D. Đồng vận thụ thể GLP - 1
- E. Metformin

41. Yếu tố nguy cơ đái tháo đường type 2:

- A. Hút thuốc lá
- B. Nữ giới
- C. Sinh con có cân nặng lúc sinh < 2.5kg
- D. Đa thai
- E. Lối sống tĩnh tại**

42. Liên quan đến bước giáp đơn thuần, điều nào sau đây **SAI**:

- A. Bước giáp tản phát khi < 10% dân số bị bước giáp